TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2018/HC-PT

Ngày: 10/4/2018

"V/v Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Phạm Việt Cường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Kính, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 20/2015/TLPT-HC ngày 09 tháng 11 năm 2015 về việc "*Kiện quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2011/HC-ST ngày 29/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Địa chỉ: phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Đã giải thể theo Thông báo v/v doanh nghiệp giải thể số 23/ĐKKD ngày 14/02/2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

1.1. Ông Lương Hữu T, sinh năm 1959; Địa chỉ: phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: phường N, quận C, thành phố Hà Nội. (Theo Giấy ủy quyền ngày 09 tháng 03 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi), ông T có mặt.

1.2. Ông Lê Tự M, sinh năm 1959; Địa chỉ: Khu biệt thự P phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh. (Hiện là chủ sở hữu Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên I; Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn C, sinh năm 1953; Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiến Huế. (Theo Giấy ủy quyền ngày 27 tháng 3 năm 2018 số 006686, quyển số 3 Công chứng Văn phòng Công chứng C, thành phố Hồ Chí Minh), ông C có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Trần Ngọc C, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng ngãi có Văn bản số 1568/UBND-NC ngày 26/3/2018 đề nghị xét xử vắng mặt người bị kiện.

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Chí P, sinh năm 1980 - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi, ông P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2009, bản giải trình ngày 01/12/2010, 04/5/2011, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Công ty TNHH T cung cấp và tại phiên toà sơ thẩm người được uỷ quyền đại diện trình bày:*

Công ty T thành lập vào năm 2002, đến năm 2005 Công ty bắt đầu phát sinh thu nhập chịu thuế về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, năm 2006 phát sinh thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đầu 2007, Công ty kê khai thuế với Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi, đồng thời ngày 28/3/2007 Công ty có Tờ trình số 01 gửi Cục thuế tỉnh xin miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (2006, 2007) và giảm 50% cho hai năm (2008, 2009) theo quy định tại Điều 17 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 1997 và Thông tư số 18 ngày 20/02/2002, Thông tư số 128 ngày 22/12/2003, Thông tư số 88 ngày 01/9/2004 của Bộ tài chính.

Ngày 05/4/2007 Cục thuế tỉnh có công văn số 666/QLKK&KTT, đề nghị Công ty căn cứ vào các quy định tại Thông tư số 88 ngày 01/9/2004 và Thông tư số 128 ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính để xác định điều kiện ưu đãi, mức miễn, giảm thuế, tự xác định miễn giảm.

Căn cứ vào công văn số 666 của Cục thuế tỉnh và điểm a khoản 1 Điều 17 Luật thuế TNDN năm 1997 quy định: "*Cơ sở sản xuất mới thành lập được miễn thuế hai năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong thời gian hai năm tiếp theo... ",* tại mục 8 Thông tư số 88 ngày 01/9/2004 quy định: "*Các cơ sở kinh doanh trong nước quy định trước đây có điều kiện ưu đãi đầu tư theo các văn bản pháp luật trước đây, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư thì được hưởng ưu đãi về thuế, theo các điều kiện ưu đãi đầu tư trước đây cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại tính từ ngày 01/01/2004".* Nên Công ty xác định được tự miễn nộp thuế trong 2006, 2007 và giảm 50% trong hai năm tiếp theo 2008, 2009.

Ngày 05/8/2008 và 03/9/2008, Thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra hoạt động báo cáo thuế của Công ty và kết luận Công ty có những sai phạm về thuế, cụ thể kết luận việc Công ty tự miễn thuế trong năm 2006, 2007 là sai nên đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý sai phạm. Ngày 03/10/2008, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định số 111/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với Công ty T. Quyết định số 111 có nội dung:

+ Truy thu thuế với số tiền: 3.693.287.000đ;

+ Truy thu thuế thu nhập từ CQSD đất: 3.667.462.000đ;

+ Truy thu thuế TNDN là: 8.386.000đ;

+ Truy thu thuế TNCN là: 4.457.000đ;

+ Truy thu thuế GTGT do không được khấu trừ: 12.982.000đ;

+ Phạt tiền 511.778.000đ, cụ thể các khoản:

+ Phạt Thuế TNDN 839.000đ;

+ Thuế TNCN năm 2007: 242.000đ + Thuế TN từ CQSD đất là: 289.702.000đ.

+ Phạt chậm nộp thuế TNDN và chậm nộp thuế TNCN 822.000đ (thời gian phạt tính từ ngày 01/4/2008 đến 03/9/2008: 152 ngày).

+ Phạt do chậm nộp tiền thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất phát sinh trong năm 2007 là: 220.173.000đ (thời gian tính chậm nộp từ ngày 01/4/2008 đến 03/9/2008: 152 ngày).

Công ty cho rằng UBND tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định xử phạt và truy thu thuế đối với Công ty là không đúng. Vì Công ty thuộc diện được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm đầu, giảm 50% trong hai năm tiếp theo kể từ khi chịu thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh như quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 1997, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003, Thông tư số 18 ngày 20/02/2002, Thông tư số 128 ngày 22/12/2003, Thông tư số 88 ngày

01/9/2004 của Bộ Tài chính.

Công ty khởi kiện yêu cầu Toà án xét xử huỷ Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 03/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

* *Người bị kiện:* Tại bản báo cáo giải trình ngày 03/7/2009, văn bản giải trình ngày 11/01/2010, 13/01/2011, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên toà sơ thẩm ông Lữ Ngọc B - Chánh thanh tra tỉnh đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện trình bày:

Thực hiện Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 15/5/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Đoàn thanh tra để tiến hành thanh tra việc chấp hành chính sách pháp luật thuế tại Cục thuế Quảng Ngãi và các đối tượng nộp thuế thuộc thẩm quyền quản lý của Cục thế tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có Công ty TNHH T.

Ngày 05/8/2008, 03/9/2008 Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH T. Kết quả thanh tra, đoàn đã phát hiện Công ty TNHH T có những sai phạm trong việc không nộp thuế, không kê khai, kê khai sai về thuế nên đoàn đã lập biên bản và kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định truy thu và xử phạt về thuế đối với Công ty T.

Ngày 03/10/2008 chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định số 111/QĐ - XPHC về việc xử phạt vi phạm trong lĩnh vực thế đối với Công ty T. Nội dung Quyết định số 111 đã truy thu thuế số tiền 3.693.287.000đ và phạt tiền 511.778.000đ, tổng cộng phạt và truy thu là 4.205.065.000đ.

Việc Công ty T khởi kiện cho rằng theo quy định của pháp luật Công ty được miễn thuế trong hai năm 2006, 2007 và giảm 50% trong hai năm 2008, 2009 là không có căn cứ vì Công ty không thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm thuế như Công ty đã nêu.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2011/HCST ngày 29/7/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 1 Pháp Lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2006

Điểm b khoản 2 Điều 163; Điều 164; Điều 174 Luật Tố tụng Hành chính.

- Khoản 1 Điều 34 Pháp Lệnh về án phí, lệ phí Toà án năm 2009.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần nội dung đơn khởi kiện của Công ty TNHH T, huỷ phần xử phạt về hành vi kê khai sai thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất với số tiền 289.702.000đ và hành vi chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất với số tiền là

220,173,000đ, tổng cộng là 509.875.000đ trong Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 03/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Trường hợp số tiền nêu trên doanh nghiệp đã nộp vào Kho Bạc Nhà nước theo Điều 2 Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 03/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thì được hoàn trả.

Bác yêu cầu huỷ phần 3.667.462.000đ tiền truy thu đối với thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất của Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 03/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2011, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2011/HC-ST ngày 29/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy nội dung xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai sai về thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất của Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 03/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là chưa đúng quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2011, người khởi kiện Công ty TNHH T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 3/10/2008 cua rChur tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về khaonr truy thu thuế doanh nghiệp số tiền 3.667.462.000, đồng là không phù hợp quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 05/2012/HC-PT ngày 03/5/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đã căn cứ khoản 2 Điều 205 của Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Sửa bản án sơ thẩm: Căn cứ Điều 12 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Điều 205 của Luật tố tụng hành chính. Tuyên xử: Hủy phần xử phạt về hành vi khai sai thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, với số tiền 289.702.000, đồng, hành vi nộp thuế chậm với số tiền 220.173.000, đồng, tổng cộng 509.875.000, đồng; hủy phần truy thu thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất là 3.667.462.000, đồng của Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 3/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền 4.177.337.000, đồng trong tổng số tiền 4.205.065.000, đồng đã nộp theo Điều 2 của Quyết định 111/QĐ-XPHC ngày 3/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí và thi hành án.

Ngày 08/8/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Văn bản số 2624/UBND-NC đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án hành

chính phúc thẩm số 05/2012/HC-PT ngày 03/5/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

Tại kháng nghị số 28/2014/KN-HC ngày 27/8/2014 đối với bản án hành chính phúc thẩm nói trên của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hành chính phúc thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp cao Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại.

Ngày 29 tháng 7 năm 2015, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có Quyết định giám đốc thẩm số 09/2015/HC-GĐT hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 05/2012/HC-PT ngày 03/5/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện đại diện theo ủy quyền của ông Lương Hữu T là ông Nguyễn Văn T và đại diện theo ủy quyền của ông Lê Tự M là ông Đinh Văn C trình bày: Hai Ông giữ nguyên nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo ghi ngày 11/8/2011 của Công ty TNHH T, cụ thể: Yêu Tòa án phúc thẩm hủy phần bản án hành chính sơ thẩm số 01/2011/HCST ngày 29/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về nội dung bác yêu cầu hủy 3.667.462.000, đồng tiền truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất của Quyết định 111/QĐ-XPHC ngày 3/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; công nhận quyền được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh ngiệp từ chuyển quyền sử dụng đất trong hai năm 2006, 2007 Công ty TNHH T và giảm 50% hai năm tiếp theo 2008, 2009; yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền 3.667.462.000đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất đã truy thu đối với Công ty T và trả lãi cho số tiền này, tuy nhiên Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi đã thi hành bản án phúc thẩm trước đó và Công ty T đã nhận toàn bộ số tiền này từ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chi trả, do vậy Công ty xin rút yêu cầu này. Tuy nhiên, do bản án phúc thẩm đã bị hủy do vậy chúng tôi (ông Tiến và ông Minh) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là ông Lê Chí P trình bày: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo ghi ngày 8/8/2011 của đại diện Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ông Lữ Ngọc B, cụ thể: công nhận nội dung truy thu thuế và xử phạt về thuế thu nhập doanh nghiệp, từ chuyển quyền sử dụng đất, chậm nộp trong Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 3/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là đúng; đề nghị Tòa án phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện đối với quyết định trên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Về chấp hành pháp luật, sau khi thụ lý lại phúc thẩm Tòa án phúc thẩm đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Tự M và ông Lương Hữu T sửa bản án hành chính sơ thẩm, cụ thể: Bác yêu cầu của người khởi kiện Công ty TNHH T về yêu cầu hủy phần xử phạt về hành vi kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất và hành vi chậm nộp thuế với tổng số tiền 509.875.000 đồng tại Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 3/10/2008 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm về việc bác yêu cầu của người khởi kiện về yêu cầu hủy phần 3.667.462.000 đồng tiền truy thu thuế đối với thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất tại Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 03/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ Công ty trách nhiệm hữu hạn T (viết tắt Công ty T) ông Lê Tự M và ông Lương Hữu T, thấy: Theo quy định tại tiết a, điểm 1 mục I, phần Đ Thông tư số 18/2002/TT-BTC ngày 20/2/2002 hướng dẫn thi hành Nghị định số 26/2001/NĐ-CP ngày 04/6/2001 và Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu doanh nghiệp năm 1997: "Cơ sở sản xuất trong nước mới thành lập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm đầu, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong thời gian 2 năm tiếp theo". Công ty T được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 11/3/2002 nên được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định trên. Tại điểm 8 Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 11/9/2004 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định: "Các cơ sở kinh doanh đang được miễn, giảm thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 10/5/1997, nếu còn thời hạn được miễn, giảm thuế thì tiếp tục được hưởng hết thời gian miễn, giảm thuế còn lại". Theo quy định trên thì Công ty T được miễn thuế trong 2 năm 2005-2006 và được giảm 50% thuế thu nhập trong 2 năm tiếp theo. Tuy nhiên các quy định này không đề cập cụ thể đến thuế thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất.

Tại khoản 2 Điều 31 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003 quy định: "Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất của cơ sở kinh doanh phải chịu thuế thu

nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này" và tại Điều 15 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2003 quy định: "Không áp dụng mức thuế suất ưu đãi, miễn , giảm thuế theo quy định tại Chương V Nghị định này đối với thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất". Như vậy, với quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2003 thì việc miễn, giảm thuế không áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất.

Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 3/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Truy thu số tiền thuế phải nộp ngân sách Nhà nước từ thuế thu nhập chuyển quyền sử dụng đất là 3.667.462.000, đồng là đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện về phần hủy truy thu thuế thu nhập chuyển quyền sử dụng đất là có căn cứ. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tự M và ông Lương Hữu T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty T) giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, thấy: Năm 2006, Công ty T có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, đối với phần thu nhập này không được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, nhưng Công ty T tự xác định được miễn, giảm từ đó kê khai sai và thiếu, vi phạm điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 7/6/2007 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế. Công ty T không thuộc diện được cấp Giấy phép đầu tư và Giấy ưu đãi đầu tư. Do đó, tại Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 03/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã áp dụng mức xử phạt 10% số thuế kê khai thiếu là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 13, khoản 3 Điều 66 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP và đúng với quy định tại điểm g Điều 11 Nghị định số 100/2004/NĐ-CP ngày 25/2/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế. Bản án hành chính sơ thẩm đã chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Công ty T, hủy phần xử phạt về hành vi kê khai sai thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất số tiền 289.702.000, đồng và hành vi chậm nộp thuế số tiền 220.173.000, đồng tổng cộng 509.875.000, đồng trong Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 3/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là không đúng pháp luật. Do vậy, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (nay là Ông Lê Tự M và ông Lương Hữu T kế thừa quyền và nghĩa vụ) đối với yêu cầu hủy Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 03/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[3] Giải quyết về tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành theo bản án phúc thẩm số 05/2012/HC-PT ngày 03/5/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại

Đà Nẵng đã bị quyết định giám đốc thẩm hủy.

Theo Thông báo số 150/TB-CTHADS ngày 31/12/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi thì Bản án phúc thẩm số 05/2012/HCPT ngày 03/5/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã được thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn trả cho Công ty T số tiền: 4.177.337.000đ (Bốn tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Hữu T và ông Lê Tự M thừa nhận đã nhận đủ số tiền này từ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (4.177.337.000, đồng); do vậy, ông Lê Tự M và ông Lương Hữu T (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty T) có nghĩa vụ phải liên đới hoàn trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi số tiền: 4.177.337.000, đồng (Bốn tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng) theo quy định tại khoản 6 Điều 242 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Về án phí: Ông Lê Tự M và ông Lương Hữu T liên đới (Công ty T) phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm; người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm, do đã nộp nên được hoàn trả;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, khoản 6 Điều 242 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ; Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 7/6/2007 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tự M và ông Lương Hữu T (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty trách nhiệm hữu hạn T).

Chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2011/HCST ngày 29/7/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tự M và ông Lương Hữu T (Công ty trách nhiệm hữu hạn T cũ) về yêu cầu hủy phần Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 03/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; cụ thể: Bác yêu cầu hủy phần xử phạt về hành vi kê khai sai thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, với số tiền: 289.702.000,đồng và hành vi chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, với

số tiền: 220.173.000,đồng, tổng cộng: 509.875.000,đồng (Năm trăm lẻ chín triệu, tám trăm bảy lăm ngàn đồng) và bác yêu cầu hủy phần tiền truy thu số tiền: 3.667.462.000,đồng (Ba tỷ, sáu trăm sáu bảy triệu, bốn trăm sáu mươi hai ngàn đồng) đối với thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất của Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 3/10/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Ông Lương Hữu T và ông Lê Tự M (Công ty trách nhiệm hữu hạn T cũ) có nghĩa vụ liên đới nộp trả số tiền: 4.177.337.000,đồng (Bốn tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng) cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 200.000, đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm đã thu (do Công ty trách nhiệm hữu hạn T nộp) và 200.000, đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0557 ngày 11/8/2011 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi cho Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo Thông báo số 150/TB-CTHADS ngày 31/12/2014 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Lương Hữu T và ông Lê Tự M phải liên đới chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000, đồng (Hai trăm ngàn đồng) và 300.000,đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính phúc thẩm.

4/ Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 10/4/2018.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn